

## ĐỀ 2 ÔN TẬP CUỐI NĂM MÔN TOÁN 4

**Bài 1.** Phân số nào dưới đây bằng phân số  $\frac{5}{8}$  ?

A.  $\frac{15}{16}$

B.  $\frac{20}{24}$

C.  $\frac{15}{24}$

D.  $\frac{10}{24}$

**Bài 2.** Trong các phân số dưới đây phân số nào nhỏ hơn 1?

A.  $\frac{7}{8}$

B.  $\frac{8}{7}$

C.  $\frac{7}{7}$

D.  $\frac{8}{8}$

**Bài 3.** Phân số lớn nhất trong các phân số  $\frac{3}{4}$ ;  $\frac{7}{7}$ ;  $\frac{3}{2}$ ;  $\frac{4}{3}$  là:

A.  $\frac{4}{3}$

B.  $\frac{3}{2}$

C.  $\frac{3}{4}$

D.  $\frac{7}{7}$

**Bài 4.** Số thích hợp để điền vào chỗ chấm  $6\text{m}^225\text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$  là:

A. 6025

B. 60 025

C. 600 025

D. 625

**Bài 5.** Số liền sau số 1000000 là:

A. 999999

B. 10000001

C. 1000001

D. 1000010

**Bài 6.** Phương án nào dưới đây sắp xếp các phân số theo thứ tự từ lớn đến bé?

A.  $\frac{2}{7}$ ;  $\frac{2}{5}$ ;  $\frac{1}{2}$

B.  $\frac{2}{5}$ ;  $\frac{2}{7}$ ;  $\frac{1}{2}$

C.  $\frac{1}{2}$ ;  $\frac{2}{7}$ ;  $\frac{2}{5}$

D.  $\frac{1}{2}$ ;  $\frac{2}{5}$ ;  $\frac{2}{7}$

**Bài 7.** Số 3 có thể viết thành:

A.  $\frac{30}{10}$

B.  $\frac{3}{10}$

C.  $\frac{30}{3}$

D.  $\frac{30}{30}$

**Bài 8.** Kết quả của phép tính  $13800 : 24$  là:

A. 557

B. 575

C. 455

D. 475

**Bài 9.** Số gồm 7 triệu, 2 trăm nghìn, 5 nghìn, 8 trăm và 3 đơn vị được viết là:

A. 70250803

B. 7205083

C. 7205803

D. 725803

**Bài 10.** Tính:  $1 + \frac{3}{4}$ .

A.  $\frac{4}{4}$

B.  $\frac{7}{4}$

C.  $\frac{6}{4}$

D.  $\frac{5}{4}$

**Bài 11.** Số thích hợp điền vào chỗ chấm  $\frac{4}{5}$  phút -  $\frac{3}{4}$  phút = ..... giây là:

A. 5

B. 3

C. 2

D. 4

**Bài 12.**  $1 \text{ km}^2 265 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{ m}^2$ . Số thích hợp điền vào ô trống là:

A. 1000265

B. 10265

C. 100265

D. 1265

**Bài 13.** Giá trị của biểu thức  $\frac{5}{6} - \frac{1}{3} \times 2$  là:

A.  $\frac{3}{6}$

B.  $\frac{8}{3}$

C.  $\frac{1}{6}$

D.  $\frac{6}{6}$

**Bài 14.** 4 giờ bằng một phần mấy của một ngày?

A.  $\frac{1}{12}$  ngày

B.  $\frac{1}{4}$  ngày

C.  $\frac{1}{6}$  ngày

D.  $\frac{1}{3}$  ngày

**Bài 15.** Tính:  $1 - \frac{1}{4}$

A.  $\frac{5}{4}$

B.  $\frac{2}{4}$

C.  $\frac{3}{4}$

D.  $\frac{4}{4}$

**Bài 16.** Rút gọn phân số  $\frac{12}{18}$  về dạng tối giản, ta được phân số nào sau đây:

A.  $\frac{3}{6}$

B.  $\frac{4}{6}$

C.  $\frac{4}{9}$

D.  $\frac{2}{3}$

**Bài 17.** Hiệu của 5 và  $\frac{1}{4}$  là:

A.  $\frac{19}{4}$

B.  $\frac{4}{4}$

C.  $\frac{5}{4}$

D.  $\frac{21}{4}$

**Bài 18.** Trong các phân số  $\frac{1}{2}; \frac{5}{6}; \frac{11}{2}; \frac{4}{5}$  phân số nào nhỏ hơn phân số  $\frac{2}{3}$  nhất là:

A.  $\frac{11}{12}$

B.  $\frac{5}{6}$

C.  $\frac{1}{2}$

D.  $\frac{4}{5}$

**Bài 19.** Số thích hợp để viết vào chỗ chấm của 9 tấn 6 yến = ...kg là:

A. 9060

B. 9006

C. 960

D. 96

**Bài 20.** Cho  $\frac{4}{13} + \frac{2}{13} + \frac{2}{13} = \dots \times \frac{1}{13}$  Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

A. 16

B. 7

C. 11

D. 8

**Bài 21.** Tìm x biết:  $x : 98 = 76$

- A.  $x = 6764$ .      B.  $x = 1157$       C.  $x = 7448$       D.  $x = 6774$

**Bài 22.** Một quyển vở có 64 trang giấy. Hỏi 11 quyển vở cùng loại có bao nhiêu trang giấy?

- A. 110 trang.      B. 704 trang.      C. 740 trang.      D. 604 trang.

**Bài 23.** Kết quả phép nhân:  $608 \times 467 = ?$

- A. 284936      B. 55056      C. 283936      D. 65056

**Bài 24.** Mua 25 cây bút bi hết 37500 đồng. Hỏi cần bao nhiêu tiền để mua được 64 cây bút bi như thế?

- A. 25000 đồng      B. 64000 đồng      C. 89000 đồng      D. 96000 đồng

**Bài 25.** Tìm x biết:  $56475 : x = 251$

- A.  $x = 252$       B.  $x = 522$       C.  $x = 225$       D.  $x = 215$

**Bài 26.** Số chia hết cho 2 có chữ số tận cùng là những số nào?

- A. 0 ; 2 ; 5 ; 6 ; 8      B. 0 ; 2 ; 4 ; 6 ; 9      C. 0 ; 2 ; 4 ; 6 ; 8      D. 2 ; 7 ; 3 ; 6 ; 8

**Bài 27.** Số nào sau đây chia hết cho 5?

- A. 65478      B. 79684      C. 68326      D. 4975

**Bài 28.** Số nào sau đây chia hết cho 9.

- A. 66      B. 1249      C. 567      D. 467

**Bài 29.** Số vừa chia hết cho 2, vừa chia hết cho 5 có chữ số tận cùng là:

- A. 5      B. 0      C. 4      D. 7

**Bài 30.** Chữ số nào dưới đây thích hợp để điền vào chỗ chấm để được số chia hết cho 3.

50...

- A. 1      B. 2      C. 0      D. 3

**Bài 31.** Số nào dưới đây vừa chia hết cho 3 vừa chia hết cho 5?

- A. 6800      B. 571      C. 940      D. 2685

**Bài 32.** Tính diện tích hình chữ nhật, biết chiều dài là  $\frac{25}{8}m$  và chiều rộng là  $\frac{3}{4}m$ .

- A.  $\frac{75}{32}m^2$       B.  $\frac{28}{12}m^2$       C.  $\frac{28}{32}m^2$       D.  $\frac{75}{12}m^2$

**Bài 33.**  $\frac{3}{7}$  của 21 =?

A. 1

B. 9

C. 49

D. 19

**Bài 34.** Quãng đường từ nhà đến trạm xe buýt dài 75 m. Bạn An đã đi được  $\frac{2}{3}$  quãng đường. Hỏi An phải đi bao nhiêu mét nữa mới đến trạm xe buýt?

A. 15 m

B. 35 m

C. 25 m

D. 50 m.

**Bài 35.** Kết quả của phép chia  $\frac{7}{5} : \frac{3}{2}$  là:

A.  $\frac{14}{15}$

B.  $\frac{21}{10}$

C.  $\frac{10}{7}$

D.  $\frac{21}{7}$

**Bài 36.** Tìm x, biết:  $\frac{9}{7} : x = \frac{3}{4}$

A.  $x = \frac{27}{11}$

B.  $x = \frac{27}{28}$

C.  $x = \frac{36}{21}$

D.  $\frac{28}{27}$

**Bài 37.** Tính diện tích của hình thoi biết độ dài hai đường chéo lần lượt là 24cm và 25cm.

A.  $300cm^2$

B.  $150cm^2$

C.  $600cm^2$

D.  $98cm^2$

**Bài 38.** Một vườn cây có 35 cây chanh, 48 cây cam. Tính tỉ số cây chanh so với cây cam?

A.  $\frac{35}{48}$

B.  $\frac{48}{35}$

C.  $\frac{35}{83}$

D.  $\frac{83}{35}$

**Bài 39.** Tìm hai số khi biết tổng là 63 và tỉ số của hai số đó là  $\frac{2}{5}$ .

A. 45 và 81

B. 18 và 45

C. 18 và 81

D. 18 và 54

**Bài 40.** Bố hơn con 28 tuổi, tuổi bố gấp 5 lần tuổi con. Tính tuổi bố, tuổi con.

A. 28 tuổi và 5 tuổi.

B. 21 tuổi và 7 tuổi.

C. 35 tuổi và 7 tuổi.

D. 25 tuổi và 5 tuổi.

-----HẾT-----

CHÚC CÁC EM LÀM BÀI TỐT!